

**Bản án số: 454/2021/HS-PT**

Ngày: 22 – 11 - 2021

## NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Ngọc Thông;

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Thanh Liêm;

Ông Lê Phước Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thọ Đình, Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 247/2021/TLPT-HS ngày 09 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Trần Thị N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HS-ST ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- *Bi cáo bi kháng cáo:*

**Trần Thị N**, sinh năm 1986 tại tỉnh Quảng Trị; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trọng M (đã chết) và bà Ngô Thị H, sinh năm 1954; chồng: Nguyễn Thế C, sinh năm 1985 (đã ly hôn vào tháng 7/2017) Nguyễn Trần Thảo N, sinh năm 2014; Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con cuối trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ 02/11/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên toà.

- *Bi hai*:

Bà Nguyễn Thị G; trú tại: thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị N: Ông Lê Văn H - Luật sư của Công ty luật V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có Đơn xin xét xử vắng mặt.*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị G: Ông Trần Đức A - Luật sư của Văn phòng Luật sư T & Cộng Sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.*

*- Nguyên đơn dân sự:*

Công ty Huyndai P Quảng Trị; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị; người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Mạnh C - Chức vụ: Giám đốc.

*Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Võ Ngọc M – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư T – Đoàn luật sư tỉnh Quảng Trị; có mặt.*

*- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Bá Hoàng L, trú tại: thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.*

*- Ngoài ra trong vụ án còn có những người bị hại khác, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Năm 2011, Trần Thị N bắt đầu thực hiện hoạt động cho người khác vay tiền rồi cho vay lại với lãi suất cao hơn để hưởng chênh lệch lãi suất. Trước tháng 8/2016, N vay tiền của nhiều người khác rồi cho Nguyễn Thị Lan H, trú tại thành phố Đ vay lại để hưởng tiền chênh lệch lãi suất. Trần Thị N đã bị Nguyễn Thị Lan H chiếm đoạt 7.000.000.000đ. Do bị H chiếm đoạt tiền nên từ sau tháng 8/2016, để có tiền trả tiền gốc và lãi cho khoản tiền N đã vay trước đó nên đã đưa ra thông tin gian dối là “vay tiền để làm đảo hạn ngân hàng cho người khác” đồng thời hứa trả lãi suất cao là từ 3.000 đồng đến 7.000đ/1.000.000đ/ngày (có những khoản vay N khai phải trả tiền lãi từ 13.000 đồng đến 20.000 đồng/1.000.000đ/ngày) làm cho những người đã cho N vay tiền tin tưởng tiếp tục cho vay thêm tiền. Khi nhận được tiền vay, N sử dụng số tiền này vào việc trả tiền gốc, tiền lãi cho các khoản vay trước, một phần nhỏ tiền sử dụng vào việc mua sắm tài sản và chi tiêu cá nhân. Đến đầu tháng 08/2018, N không còn khả năng thanh toán tiền gốc, tiền lãi cho những người đã cho N vay nên những người này tìm N để đòi nợ. Để những người cho vay tiền tin tưởng N còn khả năng thanh toán các khoản tiền nợ, N viết Giấy cam kết vào ngày 24/8/2018 sẽ trả tiền. Do không có tiền trả lại những người cho N vay tiền, để đảm bảo tính mạng, sức khỏe cho bản thân và gia đình ngày 23/8/2018, N đã

đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ trình báo về việc mất khả năng trả nợ để xin được bảo vệ trước sự truy ép của các chủ nợ.

Với phương thức, thủ đoạn trên đây, Trần Thị N đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản của 09 bị hại với tổng số tiền **331.420.000.000** đồng. Số tiền chiếm đoạt được, N dùng phần lớn vào việc trả nợ, lãi cho người vay trước. Ngoài ra, N còn sử dụng **8.606.389.688** để chi tiêu, mua sắm cá nhân. Trong đó có số tiền bị Lan H chiếm đoạt là **7.000.000.000** đồng. Trả lãi cho các bà Đặng Thị H Y, Nguyễn T H, Trương A T tổng cộng **1.270.000.000** đồng (trong đó: bà Y 255.000.000 đồng, bà T 315.000.000 đồng, bà H 700.000.000 đồng).

N khai đã sử dụng số tiền còn lại khoảng hơn 303.800.000.000 đồng để trả tiền lãi cho các khoản vay phát sinh sau thời điểm Lan H vỡ nợ. Quá trình điều tra, N khai đã phải trả lãi suất cho các bị hại với nhiều mức khác nhau, cụ thể ở mức thấp nhất là 2.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, mức cao nhất là 20.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Tuy nhiên tất cả các bị hại đều trình bày chỉ cho N vay với mức lãi suất từ 500 đồng/01 triệu đồng/01 ngày đến 2.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, ở mức lãi suất cho vay này không vượt quá 20%/năm (mức trần lãi suất/năm của Ngân hàng Nhà nước). Trong khi đó, các giấy vay tiền giữa N và các bị hại không thể hiện mức lãi suất cụ thể mà chỉ ghi nội dung: “Mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên”. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nội dung này nhưng giữa bị cáo và các bị hại giữ nguyên quan điểm của mình trong việc giao nhận tiền lãi vay. Ngoài ra N cũng không cung cấp chứng cứ, tài liệu để chứng minh các mức lãi suất như đã khai tại Cơ quan điều tra nên không có căn cứ để xác định chính xác số tiền này về nội dung này.

*Về trách nhiệm dân sự:* Các bị hại yêu cầu bị cáo Trần Thị N bồi thường tổng cộng **385.420.000.000** đồng cụ thể như sau: Vợ chồng ông, bà Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị T H **50.000.000.000** đồng; bà Hoàng Thị Cẩm L **5.000.000.000** đồng; bà Nguyễn T H **175.500.000.000** đồng; bà Hồ Thị Tường V **42.240.000.000** đồng; vợ chồng ông, bà Đỗ Công T, Nguyễn Thị Sương T **21.250.000.000** đồng; bà Phạm Thị Trà M **35.600.000.000** đồng; bà Đặng Thị H Y **2.100.000.000** đồng; bà Trương A T **3.500.000.000** đồng; bà Nguyễn Thị G: **50.230.000.000** đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là **331.420.000.000** đồng nhưng hiện chưa có điều kiện. Riêng số tiền 54.000.000.000 đồng của bà Nguyễn T H (50.000.000.000 đồng tiền lãi và 4.000.000.000 đồng tiền vay trước thời điểm mất khả năng thanh toán) N không đồng ý hoàn trả.

Trong đó, có trường hợp của bà Nguyễn Thị G, ngoài hành vi chiếm đoạt số tiền 46.930.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị G, Trần Thị N còn chiếm đoạt 3.300.000.000 đồng cụ thể như sau:

Để trả nợ cho các khoản vay trước đó của N, từ khoảng tháng 4/2018 đến tháng 8/2018, N đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối là làm đảo hạn ngân hàng cho người khác đối với bà G và bà Hồ Thị Tường V để bà G, bà V tin tưởng cho N vay tiền. Tính đến thời điểm ngày 08/8/2018, N còn nợ bà V số tiền gần 50.000.000.000 đồng, nợ bà G số tiền 46.930.000.000 đồng, nợ các cá nhân khác với số tiền rất lớn mà không có khả năng trả lại và đang bị nhiều người ráo riết tìm đòi nợ. Khoảng đầu tháng 8/2018, N gọi điện đề nghị bà V cho vay thêm tiền, bà V yêu cầu N phải đưa 10.000.000.000 đồng về trình cho bà V thì sẽ cho N vay thêm số tiền mới là từ 10.000.000.000 đồng đến 20.000.000.000 đồng. Ngày 08/8/2018, N gọi điện thoại đề nghị bà G cho vay 10.000.000.000 đồng để đưa đi “Trình tiền cho người khác” và cam kết trong ngày sẽ trả lại số tiền này cho bà G. Khoảng trưa ngày 08/8/2018, N nhờ ông Nguyễn Bá Hoàng L (bạn trai N) điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Camry BKS 74A-081.43 (xe ông L) chở đến nhà bà G để vay tiền. Tại đây, N thuyết phục bà G cho N vay 10.000.000.000 đồng để “Trình tiền cho người khác” rồi họ sẽ cho N vay lại thêm số tiền 20.000.000.000 đồng, khi có tiền N sẽ trả cho bà G 10.000.000.000 đồng và trả nợ thêm cho bà G các khoản vay trước đó. Bà G tin N và cũng mong muốn lấy lại phần nào số tiền đã cho N vay cho nên bà G nói với N là giờ chỉ xoay xở được khoảng 7.000.000.000 đồng, N đồng ý. Do N còn nợ bà G 46.930.000.000 đồng nên bà G đã trao đổi là sẽ đồng ý cho N vay số tiền 7.000.000.000 đồng, thời hạn trả là trong ngày 08/8/2018 với điều kiện Nguyễn Bá Hoàng L phải viết giấy và đứng tên vào hợp đồng vay tiền cùng với N. Lúc đầu ông L không đồng ý vì cho rằng việc vay mượn không liên quan đến anh L nhưng do N thuyết phục L: “*Cứ yên tâm viết đi chiều chắc chắn có tiền trả lại*”. Do giữa 02 người có quan hệ tình cảm, đồng thời ông L tin tưởng vào khả năng tài chính của N sẽ có tiền trả lại cho bà G nên đã đồng ý viết giấy vay tiền giúp N theo lời bà G yêu cầu.

Sau khi viết xong hợp đồng vay tiền, do đợi bà G đi lấy tiền lâu nên N nhờ ông L điều khiển xe ô tô chở N đến trụ sở Ngân hàng S - Chi nhánh Quảng Trị. Khi chở N đến ngân hàng, ông L nói với N là xe ô tô sẽ cho người khác mượn nên N tìm xe khác để đi. N đã liên lạc và mượn được xe ô tô của Hoàng Cẩm L nên nói với ông L đến chỗ L ở để lấy xe. Đến khoảng hơn 14 giờ cùng ngày, ông L nhận xe ô tô Hyundai Tucson màu trắng, chưa gắn BKS từ chồng của bà L là ông Nguyễn Ngọc B rồi điều khiển đến Ngân hàng để đón N quay lại nhà bà G.

Khi cả hai gặp bà G thì bà G nói, hiện tại chỉ có 2.800.000.000 đồng, có gì sẽ đưa thêm tiền sau tại nơi “Trình tiền”. N đồng ý. Lúc này, bà G yêu cầu ông L phải là người đi “Trình tiền”, sau khi trình xong thì phải nộp tiền vào số tài khoản do bà G cung cấp và cử ông Võ Ngọc C là em trai của ông Võ Văn T chồng bà G cùng với 02 thanh niên khác là ông Nguyễn Văn T và ông Võ Minh

T đi cùng với ông L, còn N đi cùng xe ô tô với bà G. Ông T điều khiển xe ô tô hiệu CX5 chở bà G, N và 01 thanh niên tên Cu Ri. Trước đó, N có trao đổi với ông L là sau khi bà G đưa tiền sẽ đưa đi trình cho bà V nhưng không nói rõ là ai đi trình và trình như thế nào. Ông L nhận thức việc “Trình tiền” cho bà V là giao tiền cho bà V xem, kiểm đếm, sau đó bà V sẽ giao số tiền đó lại cho anh L rồi anh L nộp số tiền đó vào tài khoản theo yêu cầu của bà G. Ông L điều khiển xe ô tô Hyundai Tucson chở Võ Ngọc C, Nguyễn Văn T và Võ Minh T đưa số tiền 2.800.000.000.000 đồng đến Phòng giao dịch Ngân hàng S ở đường L, thành phố Đ. Bà G với ông T và N đi trên xe Mazda CX5 của bà G đến dừng ở trước khách sạn Mường T (cách Phòng giao dịch khoảng hơn 100m) đợi.

Khi đến ngân hàng, ông L và anh C gặp bà V rồi đưa tiền cho bà V xem, kiểm đếm. Sau khi kiểm đếm xong ông L đưa tiền vào nộp vào tài khoản ngân hàng theo yêu cầu của bà G nhưng bà V ngăn cản và nói *“Tiền còn thiếu, chưa đủ”* rồi bà V gọi điện cho N và nói: *“Răng mà tiền đưa về trả cho chị mà cứ đòi nộp vô tài khoản là răng”*, sau đó có nói thêm: *“Tiền chưa đủ”*. N liên lạc với ông L bảo đợi tí nữa có người đưa thêm tiền đến. Một lúc sau, bà G cho người đưa đến giao thêm 500.000.000 đồng cho ông C, ông L và bà V. Bà V yêu cầu đưa tiền ra xe ô tô cho người khác kiểm đếm thì ông C không đồng ý. Ông C gọi điện báo với bà G thì được bà G đồng ý cho đưa tiền ra xe ô tô để kiểm đếm. Ông L trao đổi với N việc bà V yêu cầu đưa tiền ra xe ô tô để cho người khác kiểm tiền và cũng được N đồng ý. Lúc này, bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1966, trú tại khu phố 5, phường 1, thành phố Đ, bạn bà V) điều khiển xe ô tô BKS 74A-052.67 đến trước Phòng giao dịch Ngân hàng S. Bà V yêu cầu đưa tiền ra xe ô tô của bà H, ông C và ông L xách tiền ra xe ô tô. Khi bà V lên xe ngồi ở hàng ghế sau, ông C và ông L giao tiền cho bà V, ông L lên xe ngồi chứng kiến bà V kiểm đếm tiền rồi xuống xe và đến đứng cùng ông C. Khi bà V xuống xe, bà H điều khiển xe ô tô cầm theo số tiền 3.300.000.000 đồng rồi đi. Lúc đó, ông L hỏi bà V: *“Tiền mô rồi”*, bà V trả lời *“Họ sợ quá đi rồi, tí nữa chị lấy lại cho”* còn ông C gọi điện cho bà G báo sự việc tiền bị bà H đưa đi. Khi biết sự việc, bà G yêu cầu N và anh L lấy tiền lại trả cho mình thì N gọi điện cho bà V, được bà V trao đổi là *“Cứ lên đợi tại Ngân hàng S ở đường Trần Hưng Đạo”* nhưng bà V đã không đến trụ sở ngân hàng S và cũng không đưa lại tiền cho N.

Khi biết tiền bị lấy đưa đi, bà G tức giận nên đã túm tóc, áo và tát vào mặt N, yêu cầu N phải đưa đi tìm người lấy tiền lại nhưng do N không biết ai đã lấy tiền nên không thể nói với bà G. Sau đó, bà G đã yêu cầu ông L và N về nhà bà G để giải quyết. Tại đây, N nói với bà G cho N thêm thời gian để kiểm tiền trả lại cho bà G nhưng bà G không đồng ý. Bà G yêu cầu ông L viết giấy cầm xe ô tô Hyundai Tucson, nếu không thì bà G sẽ giữ cả hai người lại không cho về và báo Công an. N và L sợ bà G báo Công an nên làm theo yêu cầu của bà G. Lo sợ bà G không cho về cũng như sợ sự việc làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín và

công việc của mình (ông L là cán bộ Công an huyện T, tỉnh Quảng Trị) nên ông L đã viết giấy cầm xe theo yêu cầu của bà G. Tại thời điểm ông L viết giấy cầm xe, N ngồi bên cạnh thấy rõ việc viết giấy cầm xe. Mặc dù biết xe ô tô đó bà L chỉ cho N mượn để sử dụng đi lại và N phải có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích khi mượn nhưng không ngăn cản và đồng ý với việc ông L viết giấy cầm chiếc xe trên để được bà G cho về. Sau khi rời nhà bà G, N đến gặp bà V để lấy lại tiền nhưng bà V không đưa lại số tiền 3.300.000.000 đồng trên cho N mà nói trừ vào các khoản nợ bà V cho N vay trước đó. N đồng ý và đã viết giấy trừ nợ số tiền 3.300.000.000 đồng vào sổ nợ của bà V. Đối với chiếc xe ô tô mượn của Hoàng Cẩm L, khi viết giấy cầm xe, N và ông L đều không thông báo cho bà L biết. Vài ngày sau, N có nói với bà L là xe đã bị bà G giữ lại do N đang nợ tiền, đợi N xoay tiền trả cho bà G và lấy xe ra trả cho bà L.

Ngày 10/8/2018, N đã vay được 3.000.000.000 đồng nhưng vẫn không trả cho bà G để lấy xe ô tô ra trả cho bà L mà giao cho bà V để bà V tin tưởng cho N vay lại nhiều tiền hơn như thỏa thuận trước đó. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền, bà V tiếp tục trừ nợ số tiền này và không cho N vay tiền thêm. Sự việc này cả ông L và bà L đều không biết. Sau đó, N không được ai cho vay tiền nữa nên đã thỏa thuận chuyển nhượng đất, nhà của mình (lô đất ở đường Trường Sơn, thành phố Đ và nhà, đất ở Khu phố 10, Phường 5, thành phố Đ) cho bà G để lấy xe ô tô trả cho bà L nhưng bà G không chấp nhận. Hiện N và ông L không có khả năng trả cho bà G số tiền 3.300.000.000 đồng để lấy xe ô tô ra trả cho bà L, cũng không có khả năng trả lại cho bà L số tiền tương đương chiếc xe trên.

Quá trình điều tra, bà G khẳng định người mà bà G cho vay tiền trong ngày 08/8/2018 là Nguyễn Bá Hoàng L. N chỉ đứng tên cùng trong giấy vay tiền vì bà G chỉ tin tưởng và cho ông L vay. Tất cả các giao dịch thỏa thuận vay tiền đều do bà G trực tiếp thực hiện với ông L. Quá trình làm việc “trình tiền” với bà V và ông C đều xác định: Anh L có thực hiện việc đi đến quầy giao dịch để nộp tiền vào tài khoản ngân hàng. Tuy nhiên, các lời khai lại không trùng khớp nhau về thời điểm nộp tiền, cụ thể: Ông C khai ông L làm thủ tục nộp tiền khi bà V chưa đến; bà V khai khi gặp ông L thì ông L cầm tiền vào thẳng quầy thu ngân để thực hiện thủ tục nộp tiền nên bà V ngăn cản lại. Còn ông L khai sau khi đến ngân hàng đưa tiền vào quầy giao dịch kiểm đếm bằng máy với bà V xong thì ông L đưa tiền đến quầy giao dịch nộp tiền nhưng bị bà V cản lại vì thiếu tiền nên mới dừng việc nộp tiền vào tài khoản (lúc đó chỉ mới có 2.800.000.000 đồng). Sự việc diễn ra sau đó, ông C khai: Khi bà V yêu cầu đưa tiền ra xe ô tô cho bà V, ông C đã không đồng ý và liên lạc với bà G, khi được bà G đồng ý cho đưa tiền ra xe ô tô để kiểm đếm thì ông C mới xách tiền đi cùng với ông L đưa ra xe ô tô cho bà V. Bà V khai: Sau khi đưa tiền ra xe ô tô của bà H, đã yêu cầu bà H chở số tiền trên về cho mình để trừ nợ vào số tiền gần 50.000.000.000 đồng mà N đang nợ mình. Bà V cũng trình bày là có hứa hẹn cho N vay từ

16.000.000.000 đồng đến 20.000.000.000 đồng nếu N trả đủ cho bà 10.000.000.000 đồng, tuy nhiên do N trả không đủ nên bà đã không cho N vay tiền tiếp.

Quá trình làm việc với bà L , ông B và ông Y đều xác định thời điểm cho N mượn xe ô tô Hyundai Tucson và giao xe cho ông L là vào lúc hơn 14 giờ ngày 08/8/2018. Bà L xác định chỉ cho N mượn xe với mục đích đi lại và không xác định thời hạn trả, khi cần sẽ gọi điện lấy xe lại. Khoảng vài ngày sau khi biết được thông tin xe của mình bị bà G giữ lại vì N nợ tiền của bà G nên bà L hỏi N xe đâu rồi thì N bảo: *“Xe bà G đang giữ, đợi chị mấy ngày nữa lấy xe ra cho”*. Do tình cảm, mặt khác N cũng đang nợ số tiền 5.000.000.000 đồng nên bà L phải chấp nhận đợi N xử lý lấy xe ra. Chiếc xe Hyundai này Hoàng Cẩm L mua của Công ty Hyundai P (trụ sở tại xã T, huyện T). Bà L mới trả cho Công ty Hyundai P số tiền 340.000.000 đồng, hiện còn nợ lại số tiền 650.000.000 đồng và đang đợi để làm thủ tục vay ngân hàng số tiền 650.000.000 đồng qua cho Công ty Hyundai P). Bà L đã liên hệ bà G trao đổi đề nghị đưa xe về Công ty Hyundai để tiến hành đăng ký BKS và làm thủ tục vay ngân hàng để trả cho Hyundai số tiền 650.00.000 đồng còn lại, nếu bà G muốn lấy xe thì bà L sẽ làm thủ tục bán ngang cho bà G tại Công ty để bà G làm chủ sở hữu chiếc xe, bà G chỉ cần bỏ thêm số tiền 650.000.000 đồng nữa còn bà L sẽ không lấy lại số tiền 340.000.000 đồng vì không muốn liên quan đến pháp luật nếu bị Công ty Hyundai khởi kiện nhưng bà G không đồng ý. Trần Thị N gọi điện thỏa thuận sẽ chuyển nhượng cho bà G lô đất ở đường Trường Sơn, thành phố Đ và nhà, đất ở khu phố 10, phường 5, thành phố Đ để bà G trả lại chiếc xe trên cho bà L nhưng bà G không đồng ý. Sau đó, N không trao đổi, bàn bạc hay có tác động nào khác liên quan đến việc giao, chuyển nhượng đất, nhà hoặc trả tiền cho bà G để lấy xe ô tô ra trả cho bà L . Tổng cộng số tiền N chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị G là **50.230.000.000** đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ của bà Nguyễn Thị G: 01 “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN” đề ngày 08/8/2018, giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị G với bên vay là Nguyễn Bá Hoàng L và Trần Thị N với số tiền vay là 7.000.000.000đ; 01 “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN” đề ngày 03/8/2018, giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị G và bên vay là Trần Thị N số tiền vay là 27.370.000.000đ; 01 “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN” đề ngày 03/8/2018, giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị G và bên vay là Trần Thị N với số tiền vay là 19.560.000.000đ; 01 “GIẤY CẦM XE” ngày 08/8/2018 tên người viết Nguyễn Bá Hoàng L, sinh năm 1989, HKTT: Khu phố 9 - Phường 1 - Đ - Quảng Trị; Số CMND: 197231958, ngày cấp 09/02/2015 với nội dung: Hôm nay, ngày 08/8/2018, tôi có vay Nguyễn Thị G số tiền 7.000.000.000đ. Tôi có để lại 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu: Hynhdai; số loại: TucSon, màu sơn trắng.

Tại các Bản kết luận giám định số 607/KLGD-PC09 ngày 17/7/2010, số 71/KLGD-PC09 ngày 30/12/2019, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị kết luận:

- “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN” đề ngày 08/8/2018: Phần nội dung chữ viết trên tài liệu gửi giám định từ (Hôm nay, ngày 08 tháng 08 năm 2018...nhận tiền một lần cùng ngày) là chữ viết của Nguyễn Bá Hoàng L. Chữ ký bên dưới chữ “BÊN CHO VAY” trên tài liệu gửi giám định là chữ ký của Nguyễn Thị G. Chữ ký, chữ viết bên dưới chữ “BÊN VAY” là chữ ký, chữ viết của Trần Thị N và Nguyễn Bá Hoàng L;

- “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN” đề ngày 03/8/2018: Phần nội dung chữ viết trên tài liệu gửi giám định này từ (Hôm nay, ngày 3 tháng 8 năm 2018...nhận 1 lần cùng ngày) là chữ viết của Trần Thị N. Chữ ký bên dưới chữ “BÊN CHO VAY” là chữ ký của Nguyễn Thị G. Chữ ký bên dưới chữ “BÊN VAY” là chữ ký, chữ viết của Trần Thị N;

- “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN” đề ngày 03/8/2018: Phần nội dung trên tài liệu gửi giám định này từ (Hôm nay, ngày 3 tháng 8 năm 2018...nhận 1 lần cùng ngày) là chữ viết của Trần Thị N. Chữ ký bên dưới chữ “BÊN CHO VAY” là chữ ký của Nguyễn Thị G. Chữ ký bên dưới chữ “BÊN VAY” là chữ ký, chữ viết của Trần Thị N;

- “GIẤY CẦM XE” ngày 08/8/2018: Chữ viết, chữ ký trên tài liệu gửi giám định này là chữ viết, chữ ký của Nguyễn Bá Hoàng L.

- Giấy xác nhận Trần Thị N đã trả số tiền 3.300.000.000 đồng cho bà V do bà V cung cấp. Ngày 17/6/2019, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Trị ra Quyết định trưng cầu giám định số 76/QĐ-PC01 giám định chữ viết, chữ ký đối với các tài liệu do Hồ Thị Tường V giao nộp. Ngày 10/7/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị có Kết luận giám định số 582/KLGD-PC09, kết luận: Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu gửi đến giám định này (trừ phần nội dung chữ ký, chữ viết ở mục người cung cấp Hồ Thị Tường V) là chữ ký, chữ viết của Trần Thị N.

- Chữ viết trên tài liệu cần giám định là Quyền sở hữu bìa bằng nhựa, màu xanh dương, kích thước 15cm x 11cm, mặt trước có in dòng chữ “Grand - Diện mạo mới” do Trần Thị N viết ra.

*Ngoài hành vi vay mượn tiền của 09 bị hại, Trần Thị N có thể chấp 01 xe ô tô Toyota Camry, Biển kiểm soát (BKS) 74A-069.18 tại Ngân hàng T mại cổ phần Công thương Việt Nam Chi nhánh Quảng Trị - V (gọi tắt là Ngân hàng) với giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm ký hợp đồng là 978.000.000 đồng, sau đó mang cầm cố. Do đó, Ngân hàng tố giác N về hành vi phạm tội “Lạm dụng chiếm đoạt tài sản”. Quá trình điều tra xác định như sau:*



Khoảng tháng 8/2017, N mua xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Camry, màu sơn nâu vàng, số khung: RL4BN3FK1H1005042; số máy: 6ARP291091, sản xuất năm 2017 sau đó đăng ký BKS: 74A - 069.18 (gọi tắt xe ô tô 74A-069.18). Ngày 23/8/2017, N đưa hai tài sản thế chấp tại Ngân hàng, cụ thể: 01 tài sản là xe ô tô 74A - 069.18 theo “Hợp đồng thế chấp tài sản” số 2308/2017/HĐTC ngày 23/8/2017, giá trị của tài sản thế chấp (xe ô tô 74A - 069.18) là **978.000.000** đồng; 01 tài sản là thửa đất ở đường Trường Sơn (phường Đông Lễ, thành phố Đ) mua vào tháng 8/2017, có diện tích 290m<sup>2</sup> theo “Hợp đồng thế chấp bất động sản” số 2308/2017/HĐTC ngày 23/8/2017, giá trị của tài sản thế chấp là 2.267.169.100đ để vay số tiền 2.300.000.000đ theo “Hợp đồng cho vay hạn mức” số 2308/2017/HĐTDHM/NHCT450 ngày 23/8/2017, thời hạn vay 01 năm từ ngày 23/8/2017 đến hết ngày 23/8/2018. Trong Hợp đồng này thể hiện nội dung: “*Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan tới Hợp đồng này sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam*”. Ngân hàng đã giao đủ cho N số tiền vay là 2.300.000.000 đồng, trong đó thế chấp xe ô tô 74A - 069.18 vay được số tiền 600.000 đồng.

Đến khoảng giữa tháng 7/2018, do cần tiền để trả nợ tiền vay cho người khác nên N đã liên hệ và đem xe ô tô 74A - 069.18 đến nhà ông Lê Xuân L (sinh năm 1971, trú tại khu phố 2, phường 1, thành phố Đ) cầm cố lấy 500.000.000 đồng. Khi vay tiền của ông L, N viết một giấy vay tiền với nội dung vay số tiền trên và để lại xe ô tô 74A - 069.18 để làm tin (giấy vay tiền này đã bị thất lạc). Đến khoảng một tuần sau, khi N đang ở thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H thì bà Hoàng Thị Nguyệt A điện thoại cho N hỏi N cầm xe được mấy, N trả lời cầm được 500.000.000 đồng, bà A đề nghị N lấy xe ô tô về cầm chỗ khác với giá cao hơn thì N đồng ý. Sau đó, N điện thoại cho ông L về việc sẽ có bạn của N đến lấy lại xe ô tô và trả tiền gốc, lãi cho ông L. Cùng ngày hôm đó, bà A liên lạc với ông Hoàng Đức Y (sinh năm 1983, trú tại thành phố Đ, là bạn bè của bà A) để cầm xe ô tô trên và được ông Y với giá 900.000.000 đồng. Theo chỉ dẫn của bà A, ông Y cùng vợ là bà Nguyễn Thị Kim N đến nhà ông L trả số tiền cầm xe ô tô là 530.000.000 đồng và lấy xe ô tô, giấy vay tiền (do N viết) về nhà cất giữ. Số tiền còn lại là 370.000.000 đồng theo thỏa thuận, ông Y đã giao cho bà A và bà A đã trừ nợ tiền vay do N đã vay của bà A trước đó chứ không giao lại cho N.

Đến khi N bị tố giác về tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ông Y muốn thu hồi lại khoản tiền đã cho N vay nên đã mang xe ô tô trên giao cho bạn là ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1983, trú tại số nhà 49, đường Đinh Liệt, phường Tăng Thạnh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam) và yêu cầu N trả lại tiền mới giao xe ô tô. Cũng từ giai đoạn này, ông Y không phối hợp với Cơ quan điều tra trong việc cung cấp thông tin vụ việc, tang vật và tài liệu liên quan đến việc cầm xe ô tô này. Đến ngày 09/4/2019, ông Y mới khai rõ toàn bộ sự việc và tự

nguyên phối hợp với Cơ quan điều tra trong việc giao nộp tang vật liên quan (xe ô tô 74A - 069.18). Cơ quan điều tra xác định: Ngân hàng không có văn bản đồng ý cho N mang tài sản là xe ô tô BKS 74A - 069.18 đi cầm cố, thế chấp hay chuyển nhượng cho người khác. Đến nay, đã hết thời hạn trả nợ theo hợp đồng vay nhưng N vẫn chưa trả khoản nợ đã vay và không mang được tài sản thế chấp đến cho Ngân hàng để xử lý theo quy định.

Liên quan đến việc thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của N đối với các Hợp đồng đã ký kết nêu trên, Trần Thị N đã trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo Hợp đồng số 2308/2017/HĐTDHM/NHCT450 ngày 23/8/2017 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 2308/2017-HĐCV-SĐBS/NHCT450 ngày 15/6/2018 như sau: Ngày 07/3/2018, trả nợ gốc 2.300.000.000 đồng, trả tiền lãi là 20.643.284; ngày 24/3/2020, trả tiền gốc là 2.300.000.000 đồng. Theo Công văn số 12/BB-CNQTI-2019 ngày 19/6/2020 của Ngân hàng V - Chi nhánh tỉnh Quảng Trị thì tính đến ngày 19/6/2020, N nợ số tiền gốc vay là 2.100.000.000 đồng, tiền lãi là 1.033.292.826 đồng của ngân hàng.

**Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HS-ST ngày 29/01/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:**

Về Hình phạt và tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị N phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự 2015; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Trần Thị N: Tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 02/11/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 164, Điều 288, Điều 585, 587 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự 2015, xử:

Buộc bị cáo Trần Thị N phải bồi thường cho 09 bị hại với tổng số tiền là 331.420.000.000 đồng; trong đó, bà Nguyễn Thị G: 50.230.000.000 đồng

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/02/2021, Chi nhánh Hyundai P Quảng Trị kháng cáo bản án về phần chiếc xe ô tô Hyundai Tucson.

Ngày 08/02/2021, bà Nguyễn Thị G kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm đề nghị hủy bản án để điều tra và xét xử lại vụ án về phần tuyên buộc bị cáo N đối với số tiền 3.300.000.000 đồng là không đúng, bỏ lọt tội Nguyễn Bá Hoàng L.

**Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:**

Bà Nguyễn Thị G và Chi nhánh Hyundai P Quảng Trị vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Y kiến của Luật sư Trần Đức A bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị G:* Đối với số tiền 3.300.000.000 đồng chính ông Nguyễn Bá Hoàng L trực tiếp viết và ký tên vào Hợp đồng vay tiền ngày 08/8/2018, bị cáo N chỉ ký tên với tư cách người làm chứng. Vì trước đó, N đã vay mượn bà G nhiều lần với số tiền hơn 46 tỉ đồng nhưng không có khả năng thanh toán. Chính vì bà G tin tưởng vào L nên mới cho L vay và L cũng trực tiếp nhận tiền từ bà G và cầm số tiền đi “trình tiền” cho bà Hồ Thị Tường V; đồng thời, theo thoả thuận, sau khi “trình tiền” xong, L có trách nhiệm chuyển tiền vào tài khoản cho bà G. Tuy nhiên, L đã thiếu trách nhiệm để cho bà V mang tiền đi; lẽ ra L phải đến nhà bà V đòi tiền lại nhưng L không đi, mặc dù bà G đã có yêu cầu L cùng đi đến nhà bà V lấy tiền lại; hoặc phải trình báo ngay với cơ quan Công an về hành vi của bà V. Sau sự việc xảy ra, giữa bà G và L có nhiều tin nhắn qua lại với nhau, đã có kết quả giám định và có trong hồ sơ vụ án, thể hiện L nhận trách nhiệm trả số tiền này và còn nhiều lần đe dọa bà G. Toà án cấp sơ thẩm tuyên buộc N có trách nhiệm trả số tiền này cho bà G là không đúng; đồng thời, không truy cứu trách nhiệm hình sự của L là bỏ lọt tội phạm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

*Y kiến của bà Nguyễn Thị G:* Thống nhất như ý kiến của Luật sư. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo huỷ bản án hình sự sơ thẩm.

*Y kiến của bị cáo Trần Thị N:* Bị cáo xác định giữa bị cáo và L không có hùn vốn làm ăn chung với với nhau, chỉ là do quen biết, có tình cảm với nhau nên mới nhờ L vay dùm tiền và sau đó bị cáo đã viết giấy trừ nợ cho bà V nên bị cáo có trách nhiệm trả cho bà G số tiền này.

*Y kiến của ông Nguyễn Bà Hoàng L:* Thực tế tôi vay 3,3 tỉ đồng của bà G là vay dùm cho N để trình tiền cho bà V; sau khi trình tiền xong, tôi định chuyển tiền vào tài khoản cho bà G như thoả thuận nhưng bị bà V ngăn cản, nhằm để kiểm đếm lại tiền do còn thiếu, sau đó bị bà V cho người chở đi, chứ tôi không có ý định chiếm đoạt tiền của bà G. Về các tin nhắn trên điện thoại đã trích ra tại hồ sơ vụ án, không phải do tôi trực tiếp nhắn tin, N không thừa nhận nên không biết ai đã nhắn các tin nhắn này. Lý do tôi không đi đến nhà bà V đòi lại 3,3 tỉ đồng và gần 2 năm sau mới làm đơn tố cáo bà G và yêu cầu điều tra làm rõ vụ việc là do tôi lo sợ bị ảnh hưởng đến công việc của mình đang là công an huyện. Về chiếc xe Hyundai Tucson, thực tế tôi viết Giấy cầm xe cho bà G để vay khoản tiền 7 tỉ đồng sau khi đã nhận được tiền và đi trình tiền về do bị bà G đe dọa ép buộc. Theo trình bày của N là đúng, tôi không có hùn vốn làm ăn chung với N và N nhận trách nhiệm trả số tiền này, cũng như quyết định của bản án hình sự sơ thẩm là đúng với thực tế và qui định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác

kháng cáo của bà G và của Chi nhánh Hyundai P Quảng Trị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Y kiến của ông Võ Ngọc Mậu đại diện theo uỷ quyền Chi nhánh Hyundai P Quảng Trị:* Đối với chiếc xe Hyundai Tucson là do N mượn của bà Hoàng Cẩm L, N biết rõ nhưng vẫn đồng ý để cho L viết giấy cầm cố thế chấp cho bà G để vay tiền. Các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với N và L là có thiếu sót, dẫn đến xác định chiếc xe không phải là vật chứng của vụ án nên không xử lý buộc bà G đang chiếm giữ phải có nghĩa vụ trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu và đồng thời dẫn đến sai phạm tiếp theo là xác định Chi nhánh Hyundai P Quảng Trị không phải là nguyên đơn dân sự trong vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại bổ sung thêm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

*Y kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung: Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị G đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại do bỏ lọt tội phạm và tuyên buộc bị cáo N trả số tiền 3,3 tỉ đồng là không đúng. Xét thấy, theo nhận định của bản án sơ thẩm cũng như cáo trạng và kết luận điều tra đã thể hiện L không có ý thức chiếm đoạt số tiền của bà G và sau đó N đã viết giấy trừ số tiền này vào các khoản nợ của bà V là có căn cứ. Đồng thời cả L và N cũng không có ý thức chiếm đoạt chiếc xe Hyundai Tucson nên không khởi tố, truy cứu trách nhiệm hình sự của L và N và xác định Chi nhánh Hyundai P Quảng Trị không phải là nguyên đơn dân sự là có căn cứ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị G và Chi nhánh Hyundai P Quảng Trị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Trần Thị N vẫn giữ nguyên lời khai như nội dung bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trần Thị N đã thực hiện việc vay tiền của người này rồi cho người khác vay lại với lãi suất cao hơn để hưởng chênh lệch. Trong quá trình vay mượn, do mất khả năng thanh toán nên N dùng thủ đoạn gian dối nói là “*vay tiền để làm đảo lộn ngân hàng*” làm cho nhiều người trong và ngoài địa bàn tỉnh Quảng Trị tin tưởng giao tiền cho N vay để lấy lãi. Với thủ đoạn đó, có 09 người bị hại đã giao cho N vay số tiền **331.420.000.000** đồng và đã bị N chiếm đoạt toàn bộ số số

tiền này. Trong đó, có bà Nguyễn Thị G: 50.230.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Thị N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự 2015, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt với mức án tù chung thân. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị G, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án hình sự sơ thẩm để điều tra và xét xử lại vụ án đối với số tiền 3.300.000.000 đồng vì Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo N gánh tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và có trách nhiệm trả số tiền này là không đúng, bỏ lọt tội đối với Nguyễn Bá Hoàng L.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: “*Đối với hành vi của Nguyễn Bá Hoàng L cùng N thực hiện việc viết, ký giấy vay 3.300.000.000 đồng của bà G. Quá trình điều tra xác định L tin tưởng vào khả năng tài chính của N và sẽ có tiền trả cho bà G nên thực hiện. Sau khi nhận tiền cho vay từ bà G, ông L đã thực hiện theo các yêu cầu của N và bà G khi đưa tiền về “Trình tiền” cho bà Hồ Thị Tường V. Ông L cũng không cùng ý chí, mục đích với N trong việc trả số tiền trên cho bà V. Trước khi nhận tiền từ bà G thì ông L và N cũng không bàn bạc, thống nhất gì về việc trình tiền, giao tiền, đưa tiền ra xe cho bà V. Khi gặp bà V để “Trình tiền” ông L đưa tiền cho bà V xem sau đó nộp tiền vào tài khoản do bà G yêu cầu, việc không nộp được tiền vào tài khoản ngân hàng là do bà V ngăn cản. Số tiền 3.300.000.000 đồng bị bà V lấy đi ông L không biết trước, vượt ngoài khả năng kiểm soát của ông L. Ông L không có mục đích, ý thức chiếm đoạt số tiền 3.300.000.000 đồng của bà G. Số tiền 3.300.000.000 đồng sau đó được bà V trừ nợ cho bị cáo thì bị cáo N là người thụ hưởng (Số tiền này bị cáo đã trừ vào số tiền bị cáo nợ bà Hồ Thị Tường V). Quá trình nhờ ông L cùng đứng tên giấy vay, việc trình tiền, bị lấy tiền mang đi...vv, đều nằm trong chuỗi thủ đoạn gian dối, tạo lòng tin của Trần Thị N để chiếm đoạt được số tiền 3,3 tỷ đồng của bà G mà thôi. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định hành vi của ông L không phạm tội độc lập cũng như không đồng phạm với N về hành vi chiếm đoạt đối với số tiền 3.300.000.000 đồng của bà G”, là chưa có cơ sở vững chắc. Bởi vì, L là một cán bộ Công an có đủ nhận thức, trình độ, năng lực để kiểm soát, không chế tình hình. Số tiền 3,3 tỉ đồng sau khi được cán bộ thu ngân của Ngân hàng kiểm đếm xong trước mặt bà V như thế đã trình tiền xong, lẽ ra L phải chuyển toàn bộ số tiền này vào tài khoản Ngân hàng cho bà G như thoả thuận nhưng lại đem ra xe cho bà V để rồi bà V cho người khác chở đi; sau đó, bà V không trả lại, bị cáo N viết Giấy trừ nợ cho bà V. Tiếp đến N còn đưa cho bà V 3 tỉ đồng nữa nhưng không trả nợ cho bà G. Do đó, cần điều tra làm rõ giữa L và N có bàn bạc thống nhất trước với nhau không; có quan hệ làm ăn chung với nhau không, (vì 3,3 tỉ đồng là số tiền lớn nên không thể tùy tiện đứng ra vay dùm); tại sao L lại từ chối không thừa nhận*

các tin nhắn giữa bà G với L từ ngày 8/8 đến ngày 26/8/2018; tại sao nội dung tin nhắn của L chứa đựng nội dung số tiền này L chịu trách nhiệm trả (*“Số tiền của em có phải nhiều mô mà chị làm chi đến mức đường cùng...”*, *“Con N còn nợ chị nhiều, rằng chị cứ đề em ra ri, dồn em vô bước đường cùng đi, nếu có thì em đã trả cho chị rồi, chứ không để ra hoàn cảnh ni mô...”*); tại sao khi bà G điện thoại, nhắn tin cho L cùng đi đến nhà bà V để lấy lại tiền, L không đồng ý cùng đi; tại sao tại thời điểm xảy ra việc bà V chở tiền đi, L không trình báo Công an; sự việc xảy ra vào ngày 8/8/2018 cho đến gần 2 năm sau ngày 30/6/2020 L mới làm Đơn trình báo, ghi gửi cả Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị và Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Trị nhưng không gửi cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Trị... thì mới có đầy đủ cơ sở để truy cứu hoặc không truy cứu trách nhiệm hình sự của L về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*. Trường hợp nếu không truy cứu trách nhiệm hình sự L thì L cũng phải chịu trách nhiệm dân sự số tiền này đối với bà G. Với những phân tích như nêu trên, lẽ ra Toà án cấp sơ thẩm phải trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung làm rõ các vấn đề như đã nêu thì mới có căn cứ để giải quyết vụ án một cách triệt để, đúng qui định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của Chi nhánh Hyundai P Quảng Trị (Công ty) trình bày cho rằng về chiếc xe Hyundai Tucson là do Trần Thị N mượn của bà Hoàng Cẩm L, N biết rõ nhưng vẫn đồng ý để cho L viết giấy cầm cố thế chấp cho bà G để vay tiền, khi chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu. Các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với N và L là có thiếu sót, dẫn đến xác định chiếc xe không phải là vật chứng của vụ án nên không xử lý buộc bà G đang chiếm giữ trái pháp luật phải có nghĩa vụ trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu và đồng thời dẫn đến sai phạm tiếp theo là xác định Công ty không phải là nguyên đơn dân sự trong vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại bổ sung thêm tội *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”* đối với N và L. Xét thấy, thực tế, chiếc xe này do bà Hoàng Cẩm L đứng tên ký hợp đồng mua bán nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính nên vẫn thuộc quyền quản lý, sở hữu của Công ty; như phân tích tại Mục [2] yêu cầu kháng cáo của Chi nhánh Hyundai P Quảng Trị sẽ được giải quyết khi vụ án điều tra lại.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Nguyễn Thị G và Chi nhánh Hyundai P Quảng Trị là có căn cứ, cần chấp nhận; ý kiến của Kiểm sát viên không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận; huỷ Bản án hình sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị điều tra lại vụ án theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị G và Chi nhánh Hyundai P Quảng Trị không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị G và Chi nhánh Hyundai P Quảng Trị.

2. Huỷ Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HS-ST ngày 29/01/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị để điều tra lại.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị G và Chi nhánh Hyundai P Quảng Trị không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, Phòng HCTP, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Võ Ngọc Thông**